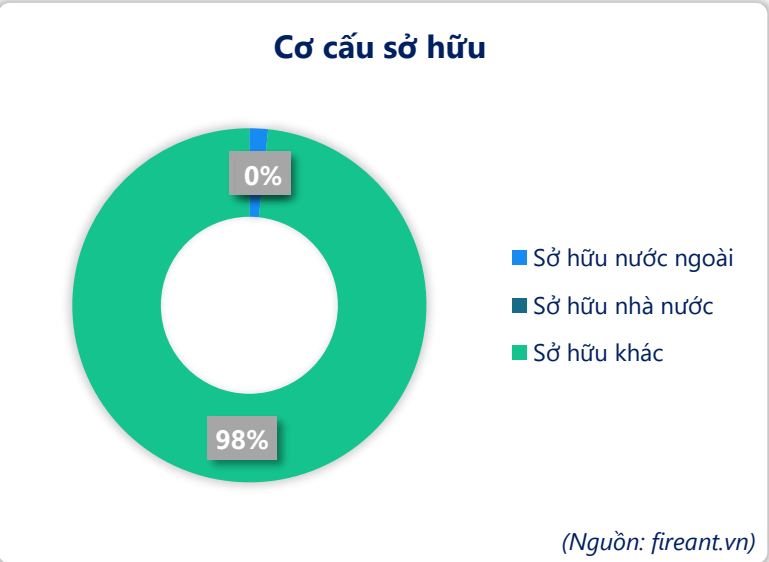
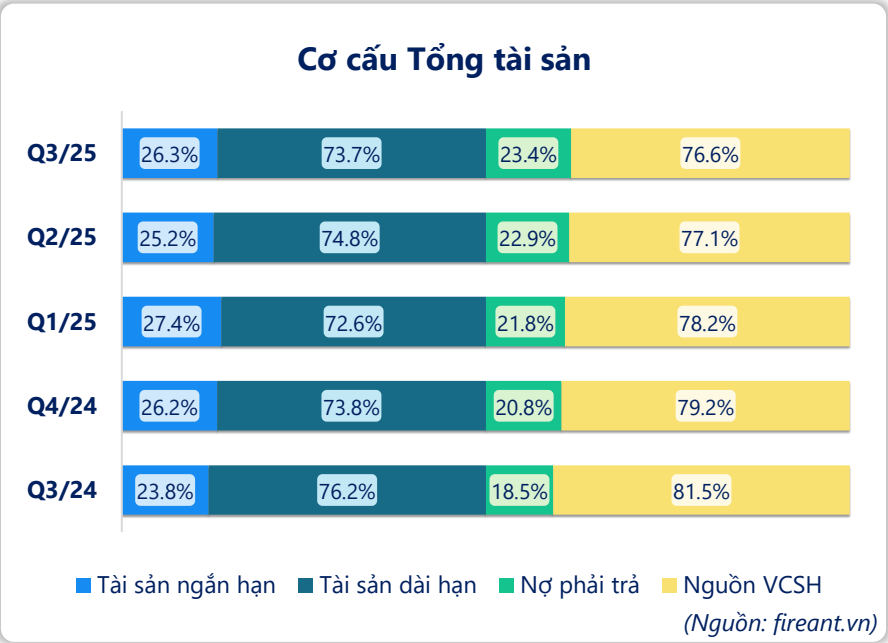
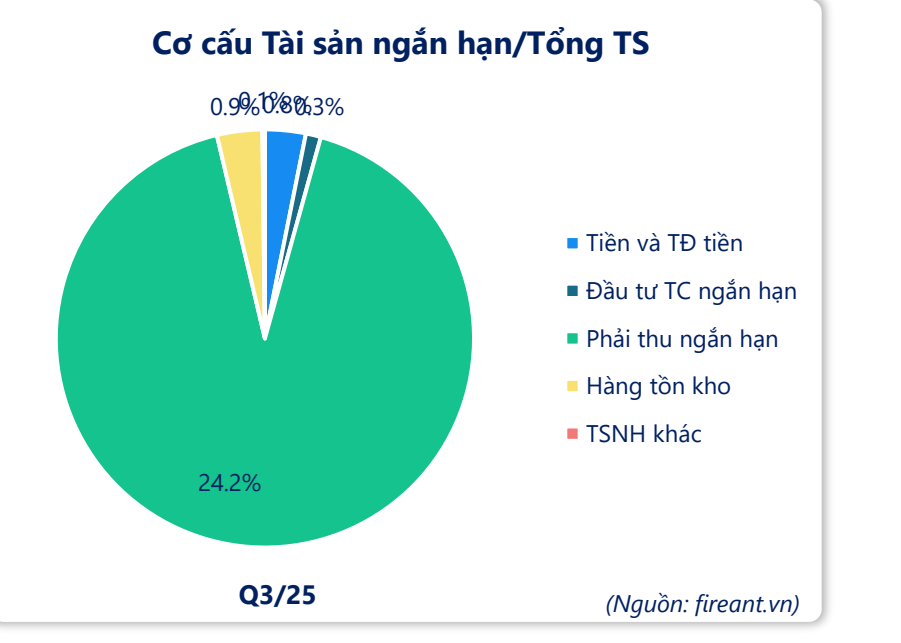
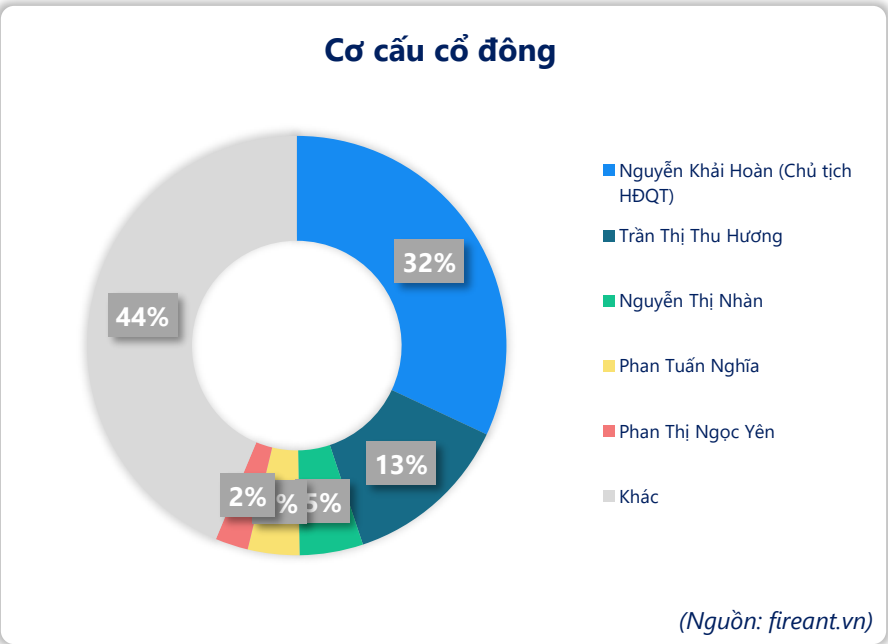
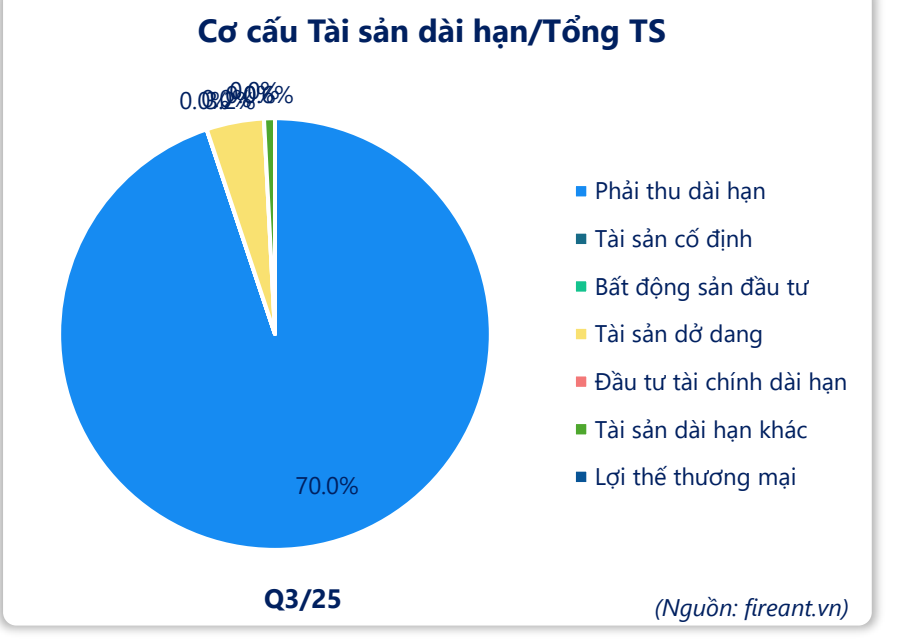
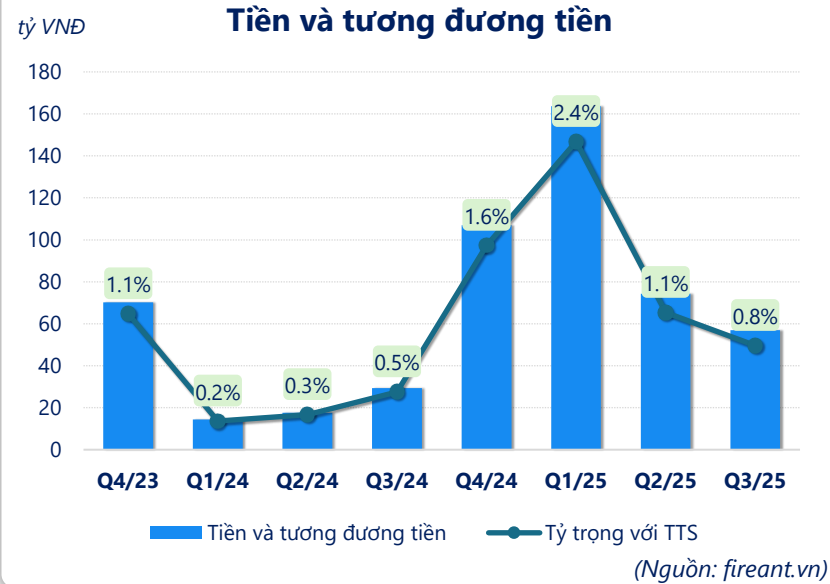
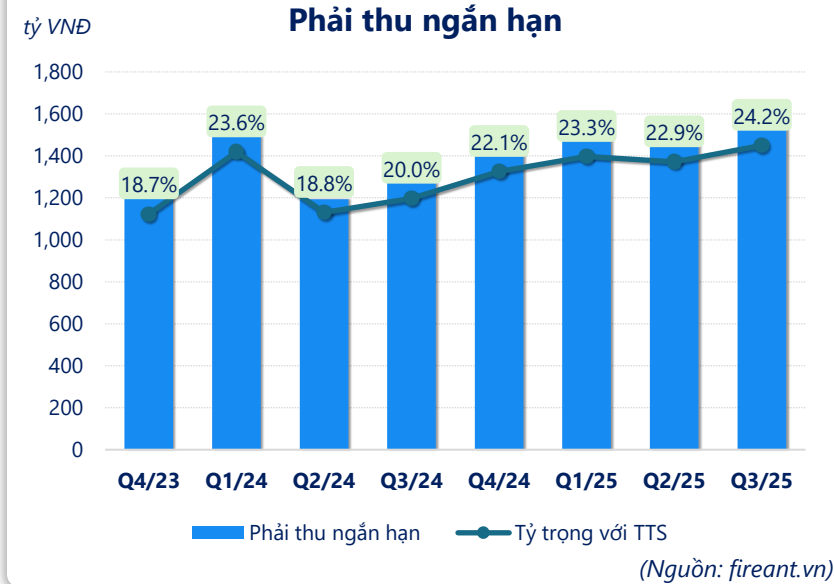
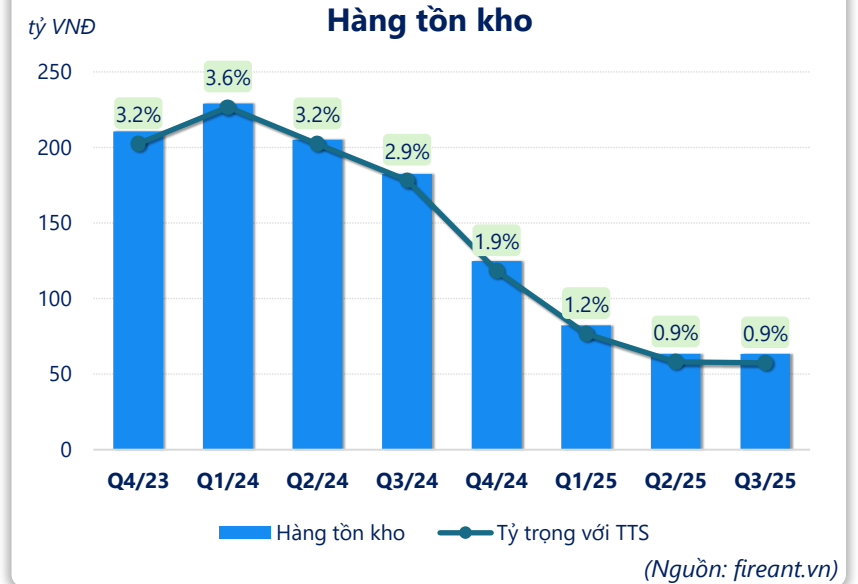
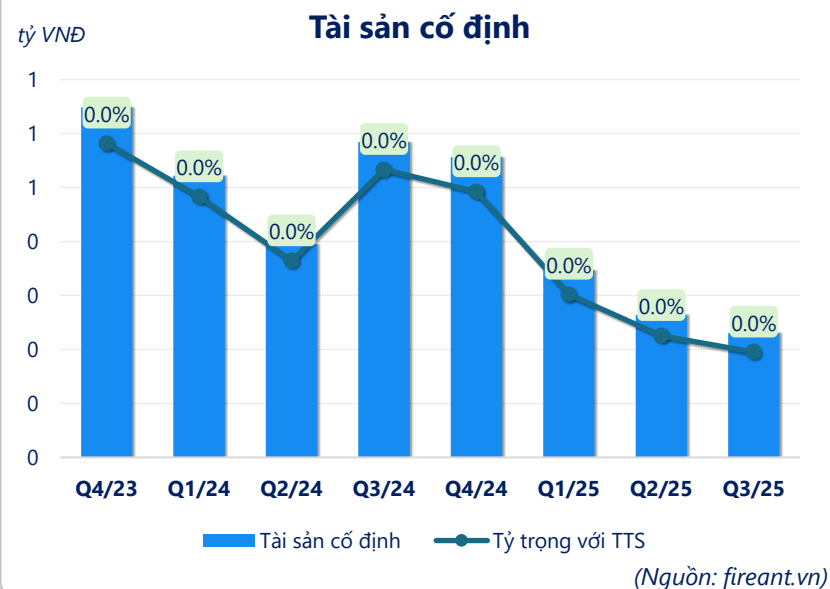
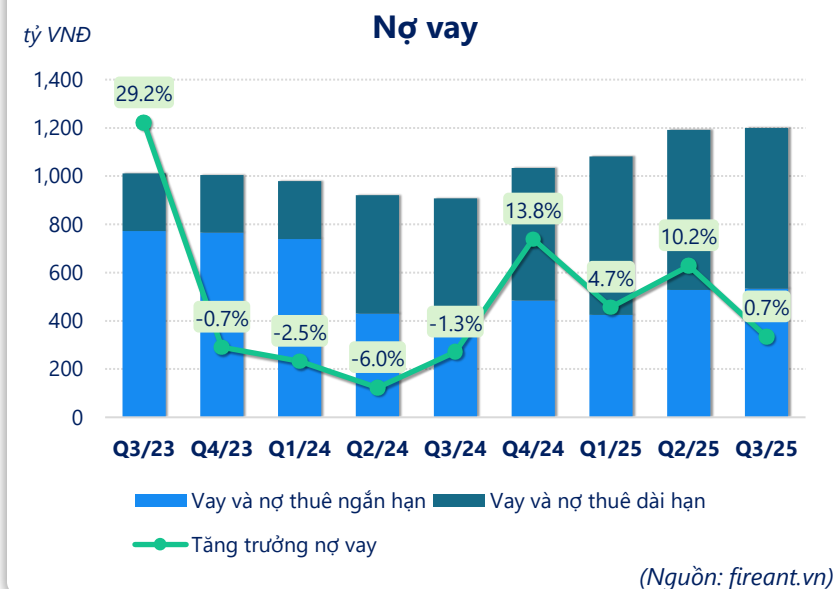
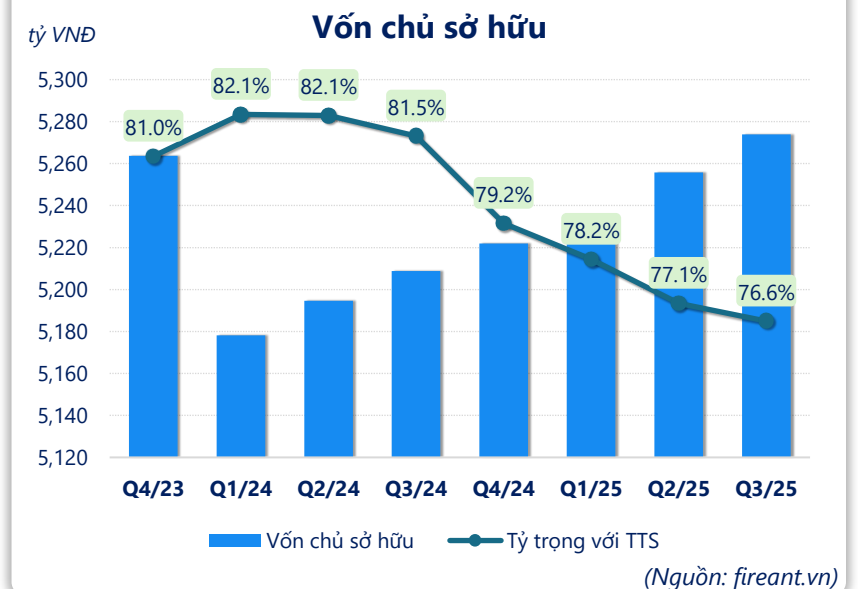
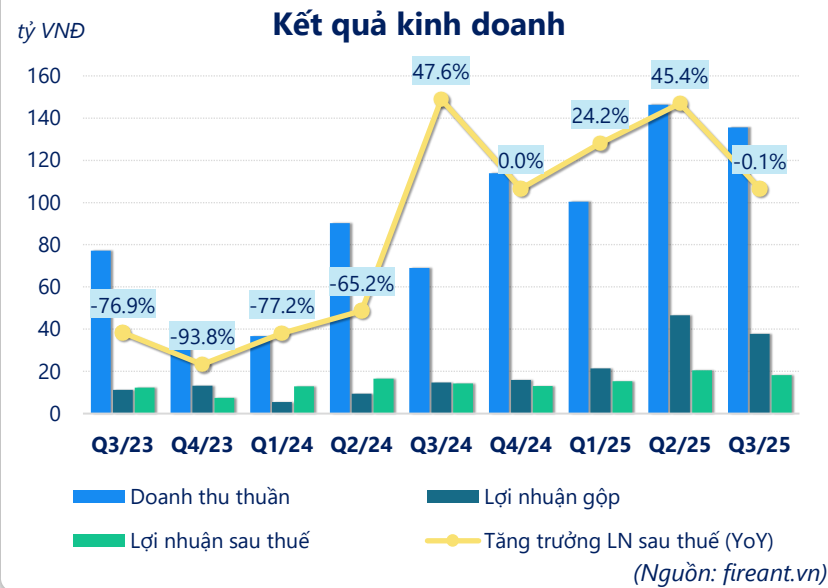
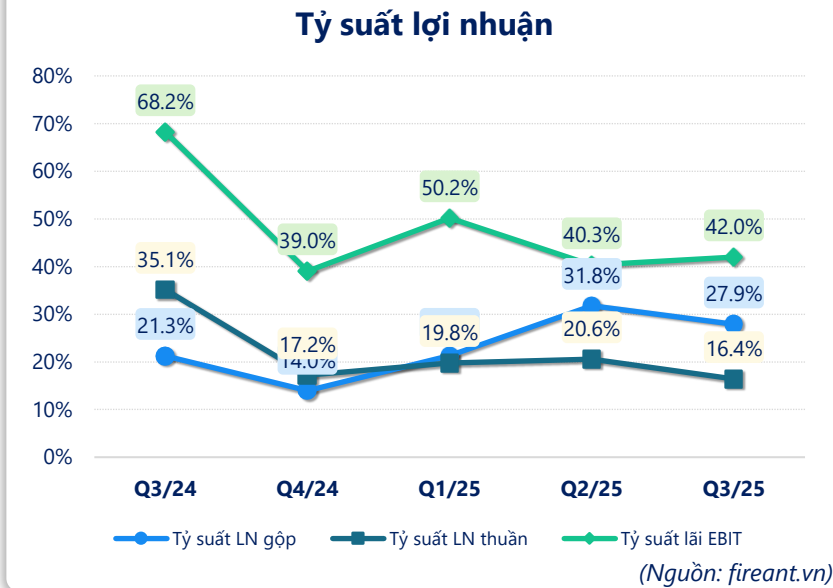
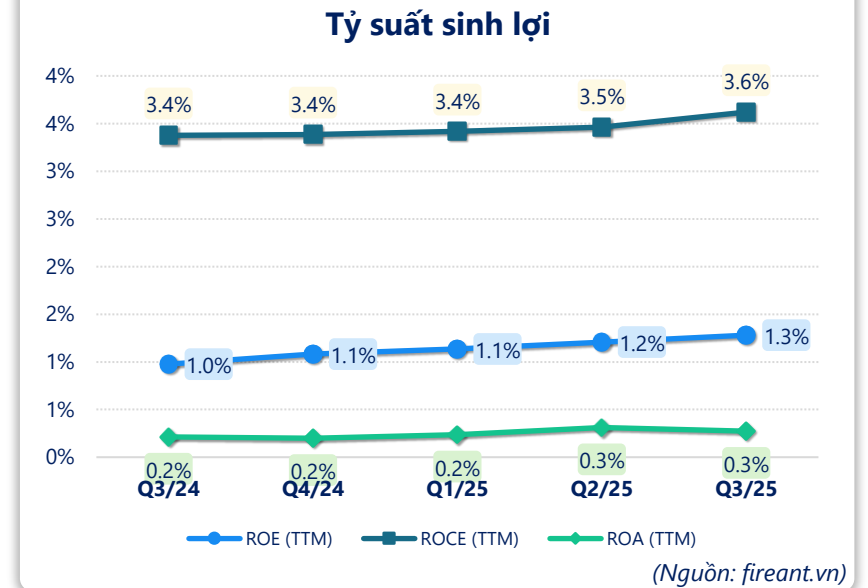
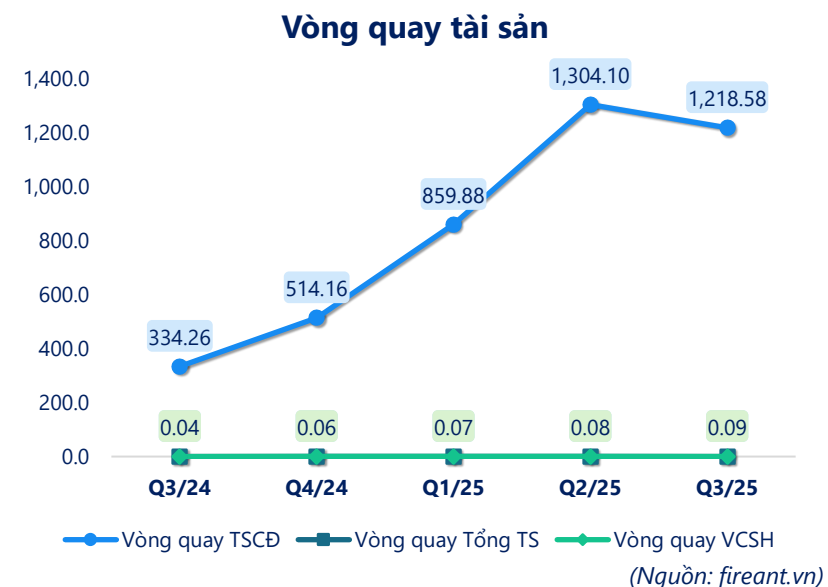
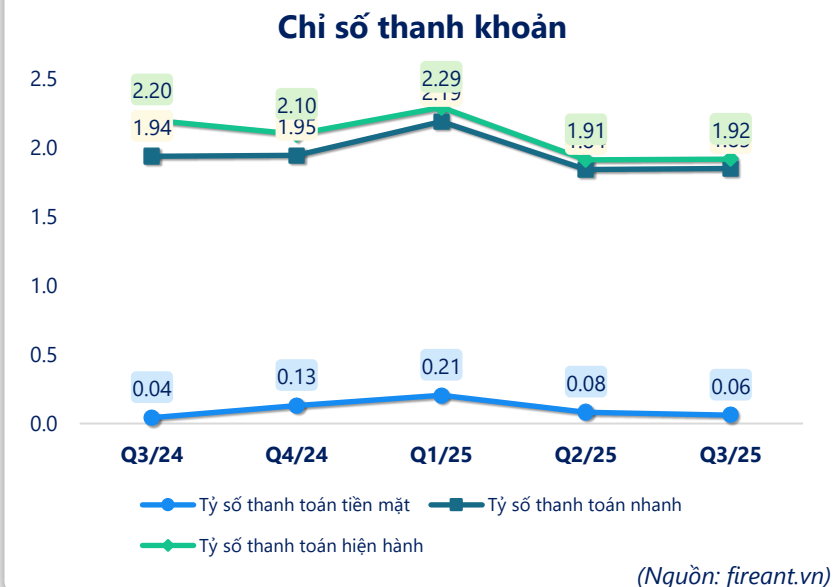
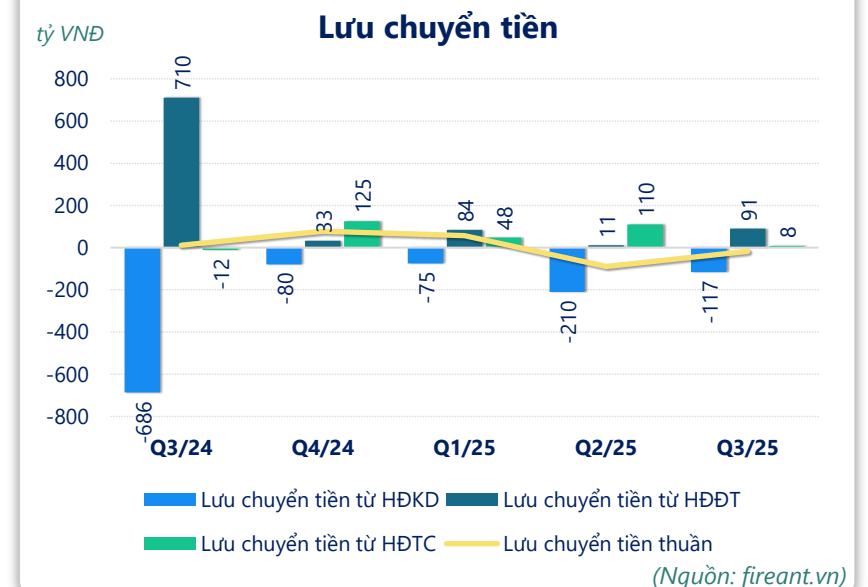


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,380
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
SL cổ phiếu LH		449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,338,395
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,056
P/E		45.5
EPS		149

	YTD	1T	3T	6T
KHG	22.1%	-7.5%	7.1%	22.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,884	6,591	4.4%
Tài sản ngắn hạn	1,809	1,726	4.8%
Tiền và tương đương tiền	57.0	107	-46.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.1	21.1	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,664	1,457	14.2%
Hàng tồn kho	63.3	125	-49.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.48	16.5	-79.0%
Tài sản dài hạn	5,076	4,865	4.3%
Phải thu dài hạn	4,816	4,602	4.6%
Tài sản cố định	0.23	0.56	-58.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	219	215	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	41.3	47.5	-13.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,610	1,371	17.4%
Nợ ngắn hạn	944	780	20.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	534	443	20.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.21	22.1	-58.4%
Nợ dài hạn	666	591	12.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	666	590	12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,274	5,220	1.0%
Vốn chủ sở hữu	5,274	5,220	1.0%
Vốn điều lệ	4,494	4,494	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	69.0	114	100	146	136
Giá vốn hàng bán	54.3	98.0	79.0	99.9	97.8
Lợi nhuận gộp	14.7	15.9	21.4	46.5	37.8
Doanh thu HĐTC	63.8	59.0	59.1	56.7	51.9
Chi phí TC	31.1	33.2	36.6	49.5	38.1
Chi phí lãi vay	28.2	27.5	30.9	32.4	34.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.1	12.9	14.0	13.4	17.5
Chi phí QLDN	9.00	9.14	9.98	10.3	11.8
LN thuần từ HĐKD	24.3	19.6	19.9	30.1	22.3
Lợi nhuận khác	-5.38	-2.64	-0.44	-3.54	0.59
LN trước thuế	18.9	17.0	19.4	26.6	22.9
Lợi nhuận sau thuế	14.2	13.0	15.4	20.5	18.2
LNST của CĐ cty mẹ	14.2	13.0	15.4	20.5	18.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-686	-79.9	-75.1	-210	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	710	32.6	83.7	10.8	90.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.1	125	48.2	110	8.50
Tiền đầu kỳ	17.6	29.4	107	164	74.3
Lưu chuyển tiền thuần	11.7	77.6	56.7	-89.4	-17.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.4	107	164	74.3	57.0

(Nguồn: fireant.vn)